

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**
Bản án số: 31/2025/HNGĐ – ST
Ngày 11/9/2025.
“V/v: Xin ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H’Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nông Thanh Tuy.

2.Bà Mỏ Măng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thiên B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 1A, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: Thôn 1A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên B trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thiên B và ông Nguyễn Thanh T có tình cảm, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2022 tại UBND xã T, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần nên đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - ĐẮK LẮK về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thiên B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Các đương sự không có con chung.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thiên B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án nhân dân khu vực) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên B có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thiên B và ông Nguyễn Thanh T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại 24/5/2022 tại UBND xã T, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T; Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh T không tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thiên B và ông Nguyễn Thanh T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà B xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, còn ông T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định nguyện vọng của ông về quan hệ hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, mặc dù địa phương không nắm cụ thể mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên xác định được bà B và ông T không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thiên B và ông Nguyễn Thanh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên B, cho bà Nguyễn Thị Thiên B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

3.2. *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

3.3. *Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thiên B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thiên B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị Thiên B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thiên B và ông Nguyễn Thanh T không có con chung.

3. *Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thiên B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003353 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thanh Tuy Mó Măng

H’Năm Bkrông

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H' Năm Bkrông